

Văn hóa ven sông Mã ở Thanh Hóa (Bước đầu tiếp cận)

NGUYỄN BÍCH THỤC*

Người xứ Thanh tự hào có một dòng sông trường tồn cùng lịch sử - sông Mã. Dòng sông và các phụ lưu của nó bao trùm toàn bộ 11/27 huyện, thị, thành của tỉnh Thanh Hóa. Sông Mã đã giúp cho xứ Thanh có một diện mạo địa lý - lịch sử - văn hóa độc đáo, cùng góp chung làm nên sự đa dạng về lịch sử, văn hóa Việt Nam trong quá khứ-hiện tại và hướng đến tương lai. Theo nhiều tài liệu địa chí biên soạn từ thời Nguyễn, vốn từ xưa sông Mã đã có rất nhiều tên gọi khác nhau như: Tát Mã, Lỗi Giang, sông Lễ, Định Minh, Nguyệt Thường, Hội Thường, Hội Triều, Nỗ Giang, Đa Lộc... Trong các tên sông này, có nhiều tên lấy theo tên gọi địa danh nơi dòng sông đi qua (như đi qua núi Đa Lộc ở Yên Định thì gọi là sông Đa Lộc, đi qua Hội Triều, tức Hội Thường thì gọi là sông Hội Triều, hay sông Hội Thường...). Từ ngã Ba Bông - một nhánh rẽ qua Hà Trung về cửa biển Bạch Cầu - dân gian vẫn gọi là sông Lèn, còn sử sách thì gọi đó là sông Nga Giang, sông Đại Lại, sông Nam Thạc, hoặc sông Cự, sông

Chế. Riêng nhánh về Hàm Rồng để đổ vào Cửa Hối (tức Hội Triều) thì vẫn gọi là sông Mã. Gần chỗ Hàm Rồng, nhánh chảy qua Tào để về Lạch Trường thì gọi là sông Tào, hay sông Lạch Trường (còn sử sách thì gọi là Ngu Giang). Tính từ đầu nguồn tới cửa biển, con sông dài 528 km, trong đó phần chảy trên lãnh thổ Việt Nam là 410km. Riêng trên địa phận Thanh Hoá là 242 km. Theo sách Địa chí Thanh hóa tập I, cho biết: "Toàn bộ diện tích lưu vực sông Mã là 28.106km², phần bên Việt Nam là 20.210km², riêng Thanh Hoá chiếm gần 9.000km²". Theo thống kê năm 1996, sông Mã chảy qua 11 huyện, thành phố, gồm 148 xã nằm hai bên triền sông/ 637 xã trong toàn tỉnh Thanh Hóa.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử, sông Mã gần như không thay đổi về hình thù cũng như dòng chảy. Duy chỉ có cửa biển Lạch Trường xưa là cửa chính của sông Mã đổ ra biển, thì ngày nay, biển đẩy lùi về phía Nam - quá trình ấy đã làm cho cửa Lạch Trường thu hẹp dần, mất đi vị trí số một trong giao thương

* Ths. Nguyễn Bích Thục, NCS. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

đường thủy trên sông Mã. Tâm quan trọng của sông Mã đối với một vùng địa lý tương đối khép kín trở nên vô cùng quan trọng và có những dấu ấn đặc biệt trong lịch sử văn hoá.

Về phương diện văn hóa, sông Mã được xem là con thuyền chở những dòng chảy văn hoá. Sông Mã với vị thế là con sông lớn nhất vùng, con sông chuyển tải, kết nối các dòng chảy văn hoá, con sông giúp lưu giữ các giá trị bản sắc của một vùng. Theo tác giả Trần Lâm Biền trong Một con đường tiếp cận lịch sử, nhận định rằng: *"Khi nói đến văn minh sông Hồng mà không quan tâm đến sông Mã thì nên văn minh ấy trở nên khập khiễng..."*, và cách đây vài năm, nhiều nhà nghiên cứu còn nhận xét: *"Văn minh sông Hồng thực tế là dựa trên sự phát triển nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng, nhưng sự phát triển của nó thực chất lại gắn với sông Mã, mà đỉnh cao là nền nghệ thuật Đông Sơn"*.

Trước công nguyên, các bộ tộc người Việt cổ đã men theo hai bên bờ sông để giao lưu với các vùng Sầm Nưa (Lào), Tây Bắc (Việt Nam), đặc biệt là với các dân tộc thiểu số (Mường, Thái, Mông, Dao phía Bắc và Tây Bắc. Con người từ vùng núi cao lại theo men theo dòng sông xuống các vùng đồng bằng. Trên con đường thiên lý, nhiều bộ phận đã dừng lại định cư ven các gò đồi và các thung lũng màu mỡ. Vì lẽ đó, ngày nay tại nhiều huyện đồng bằng như Triệu Sơn, Yên Định, Thọ Xuân và ngay cả thị xã Bỉm Sơn vẫn còn có các bản

Mường sống xen kẽ với người Kinh.

Do địa giới hành chính gần gũi phía thượng nguồn sông Mã có rất nhiều bà con dân tộc thiểu số sinh sống (thống kê có 06 dân tộc). Vùng thượng lưu sông Mã là nơi diễn biến nhiều sự giao thoa văn hoá của các tộc người thiểu số dọc đôi bờ sông Mã: Khơ Mú- Lào; Thái - Khơ Mú; Thái-Mường; Mường - Kinh... Quá trình giao thoa văn hoá đã đem đến nhiều giá trị văn hoá độc đáo còn bảo tồn đến ngày nay thông qua sinh hoạt văn hoá của bà con các dân tộc được thể hiện ở thơ ca, tục trò, lễ hội, diễn xướng...

Hạ lưu sông Mã là vùng đất màu mỡ, công cuộc khai khẩn kéo dài đến thế kỷ 15 vẫn chưa hoàn chỉnh, thu hút nhiều dân cư Bắc Bộ, thương nhân, có cả tù binh đến lập làng, lập xóm, họ sinh sống thuận hoà với người dân bản xứ nhiều đời... Do vậy, vùng hạ lưu sông Mã là nơi hội tụ nhiều hiện tượng văn hoá và tín ngưỡng đặc sắc.

Những nơi tích tụ văn hoá đậm đặc nhất là các điểm hợp lưu giữa sông Mã cùng các chi lưu: ngã ba Đầu - nơi sông Chu hoà vào sông Mã, ngã Giàng - nơi sông Mã chia nhánh sông cầu Tào, ngã ba sông Hoạt tại cửa Báo Văn (Nga Sơn), ngã ba sông Tuấn. Điểm tiếp xúc quan trọng nhất chính là ngã Ba Bông-nơi sông mã chia nhánh sông Lèn, đây được coi là nơi tiếp xúc của các sắc thái văn hoá ba vùng (miền núi, đồng bằng, trung du), cũng là điểm giáp ranh của 5 huyện: Hà Trung, Thiệu Hoá, Đông Sơn, Yên Định, Vĩnh

Lộc. Nơi đây còn lưu giữ nhiều tầng văn hoá và giao thoa với các kẻ Ràng, kẻ Rị, kẻ Bôn..., thông qua các di chỉ khảo cổ Núi Đọ, từ di tích Cồn Chân Tiên, di tích Đông Khôi, di tích Quỳ Chũ đến văn hoá Đông Sơn là một quá trình lịch sử phát triển liên tục, nó không chỉ dừng lại trong không gian của một vùng, sức mạnh văn hoá Đông Sơn lan toả đến các vùng xa hơn như sông Hồng (Bắc Bộ), sông Cả (Nghệ An), rồi đến các quốc gia Đông Nam Á, điển hình là văn minh trống đồng Đông Sơn. Trong sách Địa chí Thanh Hóa cho biết: trong số 178 trống đồng nhóm Heger I được phát hiện ở Việt Nam thì Thanh Hoá có 56 chiếc.

Trong gần 1.000 Bắc thuộc, vùng Cửu Chân (Thanh Hoá) vẫn là vùng hoang sơ, hiểm yếu, với địa bàn tương đối khép kín, phía Bắc dãy Tam Điệp giăng ngang, phía Nam dãy Hoàng Mai chặn hiểm, phía Tây là dãy núi đá cao-đường biên giới chung với nước bạn Lào, phía Đông giáp biển Đông, đường bờ biển dài đến 102km. Thời kỳ này, chỉ có những người "thất tín" với triều đình, dân nghèo di cư vào vùng này khẩn hoang, nhưng cũng xuất hiện một số thế lực đối lập với thể chế Hán, như trường hợp cha con Lê Ngọc (thế kỷ VII). Trong thời kỳ Bắc thuộc và ngay cả sau thời Lý-Trần, Thanh Hoá vẫn còn là vùng chưa được khai thác triệt để, dân cư thưa thớt. Trong đầu thời kỳ Bắc Thuộc ở Cửu Chân dân số chỉ có 166.013 khẩu, trong khi đó Giao Châu có số dân là 746.237 khẩu. Nhưng đến cuối thời Lý, đầu Trần dân số

Thanh Hoá tăng nhanh do nhiều đoàn di cư từ Bắc Bộ vào Thanh Hoá khai phá đất đai, đặc biệt đến thế kỷ XVIII dân số Cửu Chân tăng đột biến lên đến 1.250.000 người. Mặc dù đất đai rộng lớn, nhưng phần nhiều là đồi núi, đất đồng bằng ít ỏi, nên ven các dòng sông, cửa sông chính là nơi cư dân tập trung đông nhất.

Tại các cửa sông, khảo cổ học đã phát hiện chân đèn bằng đồng mang niên đại thế kỷ I có hình tượng người đội đèn có ảnh hưởng phong cách nghệ thuật Ấn Độ rõ nét, đến huyền thoại dấu vết chân Phật trên mỏm đá Trường Lệ ở biển Sầm Sơn. Tại hòn Cổ Giải, có đền thờ Độc Cước, biểu tượng phân thân Biển-Đất liên kỳ thú. Tại các cửa biển có nhiều di tích gắn với lễ hội: đền và lễ hội Bà Triệu (cửa Hới-Sầm Sơn); đền và lễ hội Tứ Vị Thánh Nương (cửa Lạch Bạng; Lạch Càn; Lạch Trường)-thờ hoàng Hậu nhà Tống bị người Nguyên bức hại, nhảy xuống biển tự vẫn trôi dạt vào cửa Cồn Nghệ An, bà trôi qua các cửa biển Thanh Hoá do vậy có rất nhiều nơi lập đền thờ bà. Ngoài ra, còn thờ Đức Ông ở ven sông (gần đền Hàn Sơn-Hà Trung), nhiều di tích thờ Linh Sơn-Thủy Thần dày đặc hai bên bờ sông Mã, sông Chu như đền thờ và tục thờ đền Mối, đền Mung, đền ối, đền Sòng, nghề Sầm thờ "Đức Thánh Ngũ Vị" - tức cha con Lê Ngọc gốc người Trung Quốc làm quan thái thú quận Cửu Chân thời nhà Tùy đã có công chống quân xâm lược nhà Đường thế kỷ VI". Lễ hội làng Vạc thờ các vị Cao sơn Đại Vương, Linh Quang Đại Vương, Tội Đại

Lưu với nhiều thần tích kỳ thú về những vị nhân thân có công dựng nước, có đức cao giúp đời. Lễ hội Mai An Tiêm (Nga Sơn) là một nét mới trong giao lưu buôn bán với thương nhân hải ngoại. Các đền thờ Đại Vương Nam Hải (thờ cá Voi) cũng khá phổ biến ở các vùng biển Thanh Hoá. Các thần tích, lễ hội dân gian phần nào phản ánh đời sống tinh thần, vật chất, đặc trưng văn hoá của một vùng.

Theo số liệu của Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Thanh Hóa, tính đến năm 2010 toàn tỉnh có 147 di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia và 457 di tích xếp hạng cấp tỉnh, ven đôi bờ sông Mã (bán kính khoảng 05 km trở lại) số lượng các di tích xếp hạng đã chiếm đến 230, còn rất nhiều các di tích chưa xếp hạng đang nằm rải rác trong các thôn xóm, tập trung chủ yếu ở các vùng lỵ sở qua các thời. Tác giả Lê Tạo trong Luận án Tiến sĩ đã căn cứ vào các dòng sông chia di tích thành 04 nhóm - nơi có mật độ di tích đậm đặc:

- *Nhóm di tích ven hạ lưu sông Mã* gồm: khu vực Đông Sơn (đền Đình Thượng, đền Quán Thánh, chùa Hinh Sơn, lăng Quận Mãn, đền thờ Nguyễn Văn Nghi); Thiệu Hoá (chùa Vôm, chùa Hương Nghiêm, đền Dương Đình Nghệ, đền Lê Văn Hưu); Hà Trung (Ly Cung, nghề Trịnh, đền Lý Thường Kiệt, đền Hàn Sơn), Vĩnh Lộc (Thành nhà Hồ, đền Trần Khát Chân -chùa Hoa Long, nghề Vệt-Phủ Trịnh...), Yên Định (tượng Bái Lăng, đền Hồ Bái, đình làng Sét...); Hoàng Hoá

(Bảng Môn đình, Nghè Nguyệt Việt, đình Phú Khê, đình Tào Thượng, đền thờ Trần Hưng Đạo...); Thành phố Thanh Hoá (chùa Đại Bi, chùa Tăng Phúc, đền thờ Lê Uy Trần Khát Chân, chùa Mật Đa, thái miếu nhà Hậu Lê).

- *Nhóm di tích ven lưu vực sông Chu* gồm: Thọ Xuân (khu di tích Lam Kinh hành cung Vạn Lại - Yên Trường), Đông Bắc Triệu Sơn (lăng Lê Thời Hiến, Lê Thời Hải, đền Thánh Lương...).

- *Nhóm di tích thuộc lưu vực sông Yên* gồm: Quảng Xương, Tĩnh Gia, Nông Cống (chùa Kênh, đền Bung, đền Hoàng Bồi Hoàn, lăng Lê Đình Châu).

- *Nhóm di tích thuộc lưu vực sông Hoạt* gồm: Nga Sơn, Hậu Lộc (chùa Sùng Nghiêm, chùa Bạch á, bia và lăng Tạ Tôn Đài, bia ở núi Vân Lỗi, đình Triệu Lộc...).

Nếu lấy điểm hợp lưu tại Ngã Ba Đầu của sông Chu và sông Mã, hoặc ngã Ba Bông khi sông Mã chia nhánh sông Lèn thì vành đai di tích nằm trong một hình tròn bán kính từ 50 km trở lại, xu hướng đậm đặc hơn về phía Tây - Bắc, số di tích ven sông Mã được xếp hạng có đến hơn 100/230 di tích thuộc thời Lê - Trịnh với hàng ngàn hiện vật thuộc kiến trúc điêu khắc đá-gỗ có nhiều giá trị. Nhưng tập trung nhiều hơn cả vẫn là các đề tài in đậm các giai thoại sử tích về các linh thần, nhân thần ở địa phương Thanh Hoá. Đó là các tích truyện, huyền thoại về các thánh Lương, có đến chín mươi chín làng dọc theo sông mã từ ngã Ba Bông đến xã Vĩnh

Quang đều có đền thờ Ông. Lễ hội Thánh Tến, đền thờ ở làng Ích Hạ (Hoàng Hoá), truyền thuyết về ông Bưng và ông Vồm thi sức mạnh siêu nhiên, có khả năng khai thiên, lập địa. Lễ hội ở nghè Hồ Bái (Yên Định) về truyền thuyết Hùng Trinh Vương-con trai thứ 11 của Lạc Long Quân đến vùng hạ lưu sông Mã để “chọn đất lập giang Bô”... Chính các yếu tố lịch sử, yếu tố địa văn hoá của một vùng đất có nhiều nét đặc biệt đã nuôi dưỡng những sáng tạo để các nghệ sĩ cho ra đời nhiều tác phẩm làm nên những kiệt tác bằng gỗ, đá phong phú, đa dạng về nội dung, hình thức.

Do yếu tố địa lý, Thanh Hoá trở nên có một vị thế đặc biệt trong quá trình phát triển lịch sử Việt Nam. Vùng đất mà hầu hết các triều đại phong kiến thất thế hay phục quốc chọn làm căn cứ (Trần Nhật Duật yểm quân đưa Vua chạy lánh nạn; nhà Hồ ép vua Trần Thuận Tông về Ly Cung 1397, dựng thành lũy ở An Tôn mưu việc lớn; Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa Lam Kinh năm 1418; nhà Trịnh phò Lê Trung Hưng 1533, dựng hành dinh ở Yên Trường, Vạn Lại chống nhà Mạc...), vùng đất mà con người và nguồn lực được huy động tối đa cho các cuộc kháng chiến, vùng đất được chia cắt bởi bốn sông lớn: sông Mã, sông Chu, sông Hoạt, sông Yên... tất cả đã tạo nên những yếu tố, tính cách người xứ Thanh, văn hoá xứ Thanh trong quá khứ và ảnh hưởng đến ngày nay.

Do yếu tố đặc trưng về địa lịch sử, địa văn hoá-xã hội mà Thanh Hoá có một sắc

thái đặc trưng, trong đó con sông Mã là tác nhân quan trọng, những sắc thái văn hoá ấy hoà chung với dòng chảy của văn hoá Việt Nam theo một cùng bậc riêng, làm nên sự đa dạng sắc thái văn hoá dân gian, đồng thời cũng phản ánh lịch sử-văn hoá của một vùng, đóng góp cho kho tàng văn hoá Việt Nam “thống nhất trong đa dạng”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, 1997.
- TS. Hà Mạnh Khoa, *Làng nghề thủ công và làng khoa bảng thời phong kiến ở đồng bằng sông Mã*, Nxb. Từ điển bách khoa, 2009.
- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, *Địa chí Thanh Hóa (lịch sử và địa lý)-Tập 1*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, 2000.
- Ban nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa (tập 1 đến tập 5)*, Nxb. Khoa học xã hội, 1990.
- Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa, *Tư liệu địa chất, thủy văn, lịch sử, văn hóa tiểu vùng văn hóa sông Mã xứ Thanh*, Viện âm nhạc, Hà Nội, 1999.
- Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái, *Đại Nam quốc sử diễn ca Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2004.
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư (tập 1, 2, 3, 4)*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1998.
- Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa, 2005.